

Bản án số: 26 /2025/HS-ST
Ngày 25 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- SƠN LA.

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Cúc và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Cẩm Hải Yên, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1- Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Sơn La tham gia phiên toà:** Bà Lê Thị Mai Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân B, sinh 16/4/1976; tại: Tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản Hải Sơn, xã C, tỉnh Sơn La (nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 2, xã S, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt từ ngày 14/8/2025; con ông Nguyễn Văn T, sinh 1935 và bà Lương Thị T, sinh 1941; có vợ Mai Thị Thu H, sinh 1980 và 02 con, con lớn sinh 2004, con nhỏ sinh 2007; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2025 đến nay; có mặt tại phiên toà.

- **Bị hại:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh 1962, nơi cư trú: Tổ 1, phường T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

- **Người làm chứng:**

Ông Trần Ngọc S, sinh 1965, nơi cư trú: Tổ dân phố Sơn Quang, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

Chị Mai Thị Thu H, sinh 1980, nơi cư trú: Tổ dân phố 2, xã S, tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 02/2023, Nguyễn Xuân B nhờ ông Trần Ngọc S giới thiệu người khai thác và mua bán lại cây gỗ sấu (cây sấu). Ông S đã giới thiệu B với ông Nguyễn Văn Đ; qua trao đổi thống nhất sơ bộ (ngày không nhớ) tháng 4/2023, ông Đ cùng và ông Nguyễn Văn T, trú tại: Thôn Trung Sơn, xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh (là người quen của ông Đ) cùng đi gặp B, B dẫn đến xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La để xem cây sấu, trên đường đi B đưa đến vị trí của một cây sấu ở cạnh hồ chứa nước; sau khi xem cây sấu trên xong thì ông Đ và ông S quay lại vị trí để xe ô tô còn B đưa ông Thắng đi xem cây sấu mà B đã nhờ ông Lò Văn Ph mua của ông Là Văn Th, sinh năm 1972, trú tại: Bản Mường Giàng, xã Q, tỉnh Sơn La từ năm 2019, rồi quay lại thì tất cả mọi người đi về. Khoảng 20 ngày sau, liên lạc qua điện thoại B nói đã mua được cây sấu với cộng đồng bản nên ngày 09/5/2023, ông Đ cùng ông S lên thành phố Sơn La gặp B tại một quán nước, B nói đã nhờ kiểm lâm định vị cây sấu được phép khai thác, thủ tục khai thác khoảng 30 ngày nên ông Đ nhất trí đầu tư 150.000.000 đồng để làm thủ tục khai thác và thống nhất khi bán được gỗ, trừ tiền mua cây sấu của B và số tiền 150.000.000 đồng thì tiền lãi sẽ chia đôi. B đã viết giấy có nội dung thỏa thuận nêu trên giữa B và ông Đ (có ông S ký chứng kiến). Sau đó, ông Đ đến Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh thành phố Sơn La rút số tiền 100.000.000 đồng rồi đưa cho B, số tiền 50.000.000 đồng sẽ giao nốt khi B làm xong giấy tờ khai thác cây sấu. Sau một thời gian dài không thấy B làm được thủ tục khai thác cây sấu, ông Đ tìm hiểu thì được biết B không có giấy tờ mua bán cây sấu trên nên yêu cầu B trả lại số tiền 100.000.000 đồng nhưng B không trả lại tiền cho ông Đ. B đã sử dụng số tiền 100.000.000 đồng trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Xác định bị chiếm đoạt tài sản, ngày 30/6/2024, ông Nguyễn Văn Đ có đơn tố cáo, giao nộp tài liệu chứng cứ gồm: 01 tờ giấy có dòng kẻ, viết nội dung thỏa thuận đầu tư tiền mua gỗ giữa Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Xuân B.

Thực hiện điều tra, ngày 10/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Xuân B trên tờ giấy có dòng kẻ mà Nguyễn Văn Đ giao nộp; kiểm tra thông tin trong điện thoại di động của Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Xuân B: Kết quả thu thập được đoạn tin nhắn giữa Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Xuân B, theo đó xác định cây sấu mà B dẫn ông Đ đến xem và đầu tư khai thác là cây sấu ở cạnh hồ chứa nước, toạ độ X: 457911.56(m), Y: 2395217(m) thuộc lô b, khoảnh 3, tiểu khu 188, thuộc bản Mường Giàng, xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, do bản Mường Giàng quản lý và giao cho ông Lêm Văn N trông coi, bảo vệ, không thuộc quyền sở hữu, quản lý của B. Tổ chức nhận dạng đối với cán bộ kiểm lâm (tên Thắng) theo lời khai của ông Đ và ông S nhưng không ai nhận dạng được; lời khai của ông Trần Ngọc S phù hợp với lời khai của ông Đ và B xác định do quen biết nên có đứng ra giới thiệu ông Đ với B, bản thân

không biết mục đích của B, không được hưởng lợi gì. Đối với điện thoại di động của Nguyễn Xuân B **đã mất khi lũ bão không thu giữ được.**

Ngày 23/9/2024 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận giám định số 1853/KL-KTHS, kết luận: Chữ ký, chữ viết trên giấy viết tay trên tờ giấy dòng kẻ ngang, nhãn hiệu HẢI TIẾN, đề ngày 09/5/2023 do ông Nguyễn Văn Đ giao nộp ngày 12/7/2024 (trừ chữ ký, chữ viết mang tên Trần Ngọc S dưới mục "ông Đ ký rõ họ tên") so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Xuân B là do cùng một người ký, viết ra.

Ngày 14/8/2025, Nguyễn Xuân B đã nhờ chị Mai Thị Thu H (vợ của B) tự nguyện trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 120.000.000 đồng (bao gồm 100.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận giữa hai bên) ông Đ đã nhận đủ số tiền, không có yêu cầu đề nghị gì khác; ngày 14/8/2025, ông Đ có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho B. Chị Hằng không yêu cầu B phải trả lại số tiền chị đã trả cho ông Đ.

Bản cáo trạng số 68/CT-VKSKV1 ngày 05/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Sơn La truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình là do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên nảy sinh ý định và thực hiện hành vi lừa đảo, bị cáo xin hưởng sự khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân B từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự: ghi nhận bị cáo Nguyễn Xuân B đã bồi thường cho ông Đ số tiền 120.000.000 đồng, không có yêu cầu gì thêm. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Xuân B tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, yêu cầu ghi nhận về bồi thường thiệt hại.

Bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đã nhận được bồi thường đầy đủ, không yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát và bị cáo đối đáp tranh luận đều giữ nguyên ý kiến tranh luận, không ai có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Đường sự ông Nguyễn Văn Đ, ông Trần Ngọc S có đơn đề nghị xử vắng mặt; xét thấy lời khai trong hồ sơ đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên quyết định xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, lời khai bị hại, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: tháng 4/2023 bị cáo Nguyễn Xuân B đưa ông Nguyễn Văn Đ đến xem cây sấu ở cạnh hồ nước, toạ độ X: 457911.56(m), Y: 2395217(m) thuộc lô b, khoảnh 3, tiểu khu 188, thuộc bản Mường Giàng, xã Mường Giàng, huyện Q, tỉnh Sơn La, do bản Mường Giàng quản lý và giao cho ông Lê Văn N trông coi, bảo vệ; khoảng 20 ngày sau, liên lạc qua điện thoại Bắc nói đã mua được cây sấu với cộng đồng bản nên ngày 09/5/2023, ông Đên Sơn La gặp B, B nói đã nhờ kiểm lâm định vị cây sấu được phép khai thác, thủ tục khai thác khoảng 30 ngày nên ông Đnhất trí đầu tư và giao cho B 100.000.000 đồng, nhận được tiền bị cáo B sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Như vậy, bị cáo Nguyễn Xuân B là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý dùng thủ đoạn gian dối, trái pháp luật chiếm đoạt số tiền 100.000.000VNĐ là hành vi xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Xuân B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: "1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng".

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo là giáo viên, đảng viên nhận thức được quy định của pháp luật, thấy trước được hậu quả nhưng thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác; với mục đích có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo đã cố ý trực tiếp dùng thủ đoạn gian dối, tạo lòng tin để chiếm đoạt tài sản. Tội phạm bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, đã hoàn thành, hậu quả xảy ra không những xâm phạm quyền sở hữu, làm thiệt hại về tài sản của ông Đ100.000.000 đồng mà còn vi phạm chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng

viên, làm ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo phạm tội và đề nghị phạt đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt, dằn vò lương tâm, chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt); bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại (bị cáo tác động, nhờ gia đình bồi thường toàn bộ). Do đó, xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người có thành tích tốt trong công tác (năm 2007 được công nhận Chiến sỹ thi đua huyện S), là con của người có công (ông Nguyễn Văn T được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất), bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, quá trình công tác luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chính quyền địa phương nhận xét và đánh giá chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định ở nơi cư trú.

[7] Về hình phạt: Từ những phân tích và nhận định trên, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất mức độ của hành vi của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có đơn xin hưởng án treo được chính quyền địa phương xác nhận, có khả năng tự cải tạo nên cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật theo khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo tự cải tạo tại địa phương và ấn định thời gian thử thách cũng nhằm răn đe, phòng ngừa giáo dục chung cho các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

[8] Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai bị cáo tại phiên tòa xác định: bị cáo không có tài sản giá trị, không sử dụng công việc trong khi chiếm đoạt tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo, có nơi cư trú rõ ràng, không có căn cứ cho thấy bị cáo trốn hoặc tiếp tục phạm tội nên áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo, nếu không bị tạm giam về tội phạm khác.

[10] Đối với ông Trần Ngọc S là người giới thiệu ông Đwới B, bản thân không biết mục đích của B, không được hưởng lợi gì; đối với điện thoại di động

của Nguyễn Xuân B đã mất khi lũ bão không thu giữ được nên không có cơ sở xử lý theo vụ án.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Xuân B đã chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn Đ, lỗi thuộc về bị cáo nên bị hại yêu cầu phải bồi thường thiệt hại là có căn cứ; bị cáo đã tác động và nhờ chị Mai Thị Thu H (vợ của Bắc) tự nguyện thoả thuận trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 120.000.000 đồng, ông Đ đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu gì thêm; Nguyễn Xuân B yêu cầu ghi nhận sự thoả thuận. Xét thấy sự tự nguyện thoả thuận không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên cần ghi nhận; căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

[12] Về án phí: không có căn cứ miễn, giảm nộp tiền án phí nên buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân B 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án (25/9/2025); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân B cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo và Trường THCS Chiềng Cang nơi bị cáo công tác có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Xuân B đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự; ghi nhận Nguyễn Xuân B đã tự nguyện thoả thuận bồi thường số tiền 120.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn Đ.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: buộc bị cáo Nguyễn Xuân B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/9/2025); bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 1- Sơn La;
- CA tỉnh Sơn La (Phòng Hồ sơ, CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- THADS tỉnh Sơn La;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà

